

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BUÔN HỒ
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2025/DS-ST

Ngày 07-3-2025

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Khanh.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thức và ông Y Dhiều Hmök.
- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Xiêm – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 07/3/2025, tại Phòng xử án, trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 121/2024/TLST-DS ngày 25/10/2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2025/QĐXXST-DS ngày 21/01/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Cao Thị T, sinh năm 1989 – có mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của bà T là anh Hoàng Văn C, sinh năm 1997 – vắng mặt.

Địa chỉ: Buôn W, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Văn bản ủy quyền ngày 26/8/2024.

Bị đơn: Bà Trần Thị O, sinh năm 1975 – vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã E (nay là xã E), thị xã B, tỉnh Đắk Lắk .

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của bà O là anh Lê Văn H, sinh năm 1995 – vắng mặt.

Địa chỉ: Số B L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN THẤY:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn trình bày có nội dung:

Bà T với bà Trần Thị O có quan hệ quen biết với nhau, nên ngày 14/06/2024, bà T cho bà O vay số tiền 350.000.000đ (*ba trăm năm mươi triệu đồng*), bà T đã

chuyển khoản cho bà O số tiền 344.120.000 đồng (số tiền 5.880.000 đồng được hai bên thống nhất trừ vào khoản tiền lãi của khoản vay khác tại thời điểm đó bà O còn nợ bà T khoản vay 180.000.000 đồng); lãi suất thỏa thuận miệng là 20%/năm. Khi vay có làm giấy vay tiền, có chữ ký và chữ viết của bà O, bà O cam kết đến ngày 14/09/2024, sẽ hoàn trả số gốc cùng lãi suất cho bà T.

Trong quá trình vay, bà O mới trả được cho bà T tổng số tiền 31.800.000 đồng (trả ba đợt, cụ thể ngày 27/6/2024 bà O chuyển khoản trả số tiền 10.600.000 đồng; ngày 09/7/2024 bà O chuyển khoản trả số tiền 10.600.000 đồng; ngày 27/7/2024 bà O chuyển khoản trả số tiền 10.600.000 đồng). Kể từ ngày 28/7/2024 đến nay, bà O còn nợ bà T số tiền gốc là 312.320.000 đồng cùng tiền lãi theo mức lãi suất 1,66%/tháng.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nguyên đơn yêu cầu bà O phải trả số nợ gốc là 312.320.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 10%/năm kể từ ngày 28/7/2024 cho đến khi trả hết nợ.

Tại phiên toà, nguyên đơn bà Cao Thị T yêu cầu bà O phải trả số nợ gốc là 312.320.000 đồng và tiền lãi của nợ gốc quá hạn với mức lãi suất 10%/năm kể từ ngày 15/9/2024 cho đến khi trả hết nợ

Ngoài ra, không yêu cầu tính khoản lãi nào khác.

Khi vay tiền bà O không thể chấp cho bà T bất cứ tài sản gì. Đây là số tiền của riêng bà T cho một mình cá nhân bà O vay. Do đó, nguyên đơn chỉ yêu cầu một mình bà O chịu trách nhiệm trả số nợ cho cá nhân bà T.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Trần Thị O và người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn trình bày có nội dung: Bà Trần Thị O có thoả thuận vay của bà Cao Thị T số tiền 350.000.000 đồng. Tuy nhiên, ngày 14/6/2024, bà T mới chuyển khoản cho bà O được 344.120.000 đồng. Sau đó, bà O đã trả dần tiền gốc cho bà Cao Thị T 04 lần, mỗi lần như sau:

Lần 1 vào ngày 27/6/2024 bà O chuyển khoản trả số tiền 10.600.000 đồng;

Lần 2 vào ngày 09/7/2024 bà O chuyển khoản trả số tiền 10.600.000 đồng;

Lần 3 vào ngày 27/7/2024 bà O chuyển khoản trả số tiền 10.600.000 đồng;

Lần 4 bà O trả cho bà T số tiền 10.600.000 đồng, trả bằng tiền mặt đưa trực tiếp cho bà T, không có giấy biên nhận, cũng không có người chứng kiến.

Tổng số tiền gốc bị đơn bà Trần Thị O đã trả cho nguyên đơn bà Cao Thị T là 42.200.000 đồng. Hiện bà O chỉ thừa nhận còn nợ bà T số tiền gốc là 301.720.000 đồng.

Tại bản trình bày quan điểm gửi đến Toà án theo đường bưu điện của người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn trình bày có nội dung: Bị đơn thừa nhận có vay của nguyên đơn số tiền 344.120.000 đồng, đã trả số tiền gốc là 42.400.000 đồng; còn nợ số tiền gốc là 301.720.000 đồng. Bị đơn xác định đây là khoản vay không có lãi suất và không đồng ý việc yêu cầu tính lãi suất 10%/năm kể từ ngày 28/7/2024 của nguyên đơn.

Tại phiên tòa kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Cao Thị T buộc bị đơn bà Trần Thị O phải trả cho bà T số tiền nợ gốc còn lại 312.320.000 đồng và tiền lãi suất phát sinh theo quy định của pháp luật kể từ ngày 15/9/2024 cho đến khi trả hết nợ gốc.

Áp dụng Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị đơn bà Trần Thị O phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp*: Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về hợp đồng dân sự (Hợp đồng vay tài sản) theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về trình tự thủ tục tố tụng*: Bị đơn bà Trần Thị O vắng mặt, người đại diện theo uỷ quyền là anh Lê Văn H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là phù hợp khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

[3.1] Về các nội dung đã được nguyên đơn, bị đơn thừa nhận:

Các đương sự đều thừa nhận rằng: Bà T với bà Trần Thị O có quan hệ quen biết với nhau, nên ngày 14/06/2024, bà T cho bà O vay số tiền 350.000.000đ (*ba trăm năm mươi triệu đồng*), bà T đã chuyển khoản cho bà O số tiền 344.120.000 đồng. (Khi vay hai bên có làm giấy vay tiền, có chữ ký và chữ viết của bà O, bà O cam kết đến ngày 14/09/2024, sẽ hoàn trả số gốc cho bà T.

Trong quá trình vay, bà O trả được cho bà T 03 lần chuyển khoản tổng số tiền gốc là 31.800.000 đồng (cụ thể ngày 27/6/2024 bà O chuyển khoản trả số tiền 10.600.000 đồng; ngày 09/7/2024 bà O chuyển khoản trả số tiền 10.600.000 đồng; ngày 27/7/2024 bà O chuyển khoản trả số tiền 10.600.000 đồng).

Khi vay tiền bà O không thể chấp cho bà T bất cứ tài sản gì. Đây là số tiền của riêng bà T cho một mình cá nhân bà O vay.

[3.2] Về các nội dung không được các bên đương sự thừa nhận:

Bị đơn bà Trần Thị O xác định đã trả cho nguyên đơn 04 lần với tổng số tiền là 42.400.000 đồng (trong đó có 03 lần như nguyên đơn đã trình bày và 01 lần đã

trả tiền mặt, số tiền 10.600.000 đồng bị đơn không nhớ ngày cụ thể). Lần trả tiền mặt này bị đơn đưa trực tiếp cho nguyên đơn, không có người chứng kiến và cũng không lập giấy tờ, biên nhận gì. Do đó, bị đơn không có tài liệu chứng cứ gì cho Tòa án để chứng minh cho lần trả tiền này. Bị đơn xác định số nợ gốc bị đơn còn nợ nguyên đơn là 301.720.000 đồng. Bị đơn xác định khi vay hai bên không thỏa thuận về lãi suất.

Nguyên đơn không thừa nhận lần bị đơn đã trả 10.600.000 đồng tiền mặt. Nguyên đơn xác định tổng số tiền gốc mà bị đơn còn nợ nguyên đơn tính đến ngày 27/7/2024 là 312.320.000 đồng. Nguyên đơn xác định đây là khoản vay mà nguyên đơn cho bị đơn vay với mức lãi suất là 20%/năm. Chứ không phải là khoản vay không có lãi như phía bị đơn trình bày.

[3.3] Từ mục [3.1] và [3.2], Hội đồng xét xử thấy rằng, có đủ cơ sở để khẳng định việc bà Trần Thị O vay tiền của bà Cao Thị T là có thật. Thực tế bà T đã chuyển cho bà O số tiền gốc là 344.120.000 đồng. Nguyên đơn xác định bà O đã trả 03 lần tiền gốc với tổng số tiền là 31.800.000 đồng. Bị đơn cho rằng ngoài 03 lần chuyển khoản cho nguyên đơn trả số tiền gốc là 31.800.000 đồng thì còn có 01 lần bị đơn trả tiền gốc cho nguyên đơn bằng tiền mặt, đưa trực tiếp số tiền 10.600.000 đồng nhưng không có tài liệu chứng cứ chứng minh và không được nguyên đơn thừa nhận.

Do đó, Hội đồng xét xử xác định tính đến thời điểm ngày 14/9/2024 (ngày đến hạn trả hết toàn bộ nợ gốc) thì bị đơn bà Trần Thị O mới trả cho nguyên đơn bà Cao Thị T tổng số tiền gốc là 31.800.000 đồng. Bà O còn nợ bà T số nợ gốc là 312.320.000 đồng. Hai bên xác lập quan hệ vay tài sản là hoàn toàn tự nguyện và tuân thủ đúng quy định của pháp luật về điều kiện, mục đích, nội dung và hình thức hợp đồng vay tài sản được quy định tại các Điều 117, Điều 118, Điều 119 và Điều 463 Bộ luật Dân sự, nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên. Việc bị đơn không trả nợ khi đến hạn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay tài sản, làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn được quy định tại Điều 465, Điều 466, Điều 470 Bộ luật Dân sự. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu buộc bị đơn trả số tiền gốc 312.320.000 đồng là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[3.3] Về lãi suất: Quá trình giải quyết vụ án, phía bị đơn xác định khi vay, hai bên không thỏa thuận về lãi suất.

Tuy nhiên, căn cứ vào Giấy vay tiền (bản gốc) giữa hai bên thể hiện: Tại mục lãi suất vay không thể hiện lãi suất; nhưng tại mục hình thức trả nợ gốc và lãi có ghi: Bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.

Như vậy, việc bị đơn cho rằng khi vay hai bên không thỏa thuận về lãi suất là chưa phù hợp với các nội dung được thể hiện trong Giấy vay tiền. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là Hợp đồng vay có kỳ hạn và có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất nên lãi suất được xác định theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất của khoản nợ gốc quá hạn chưa trả (mức lãi suất 10%/năm) kể

từ ngày 15/9/2024 cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm (ngày 07/3/2025) và tiếp tục tính lãi kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả hết nợ. Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu này là có căn cứ, phù hợp với Điều 357, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự và Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên chấp nhận. Cụ thể lãi suất được tính như sau:

Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả = (Nợ gốc quá hạn chưa trả là 312.320.000 đồng) x (Lãi suất 10%/năm) x (Thời gian chậm trả nợ gốc từ ngày 15/9/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm, ngày 07/3/2025 là 05 tháng 20 ngày) x 150% = 22.122.666 đồng.

[5] Xét quan điểm của kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn bà Trần Thị O phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 144, Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 357, Điều 463, khoản 1 Điều 465, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Cao Thị T.

Buộc bị đơn bà Trần Thị O phải trả cho bà Cao Thị T tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 07/3/2025) là 334.442.666 đồng (Ba trăm ba mươi bốn triệu, bốn trăm bốn mươi hai ngàn, sáu trăm sáu mươi đồng), trong đó: Tiền nợ gốc là 312.320.000 đồng, tiền lãi là 22.122.666 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Hoàn trả lại cho nguyên đơn bà Cao Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.005.208 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001801 ngày 24/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn bà Trần Thị O phải chịu 16.722.100 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND thị xã Buôn Hồ;
- CCTHADS thị xã Buôn Hồ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Văn Khanh